

Bản án số: 49/2021/DS-ST

Ngày: 27-5-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Phạm Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 06/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-DS ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị K, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, phường N, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Chế Thị T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 188/A khu phố 2, phường M, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày: Do quen biết nên vào ngày 08/4/2019 bà có cho bà Chế Thị T mượn số tiền 60.000.000 đồng. Khi mượn tiền của bà, bà T không có viết biên nhận mượn tiền mà viết giấy sang nhượng căn tin tại trường Tiểu học T cho bà vì lúc này bà T đang là giáo viên tại trường và có buôn bán tại đây. Nội dung hợp đồng sang nhượng là khi nào bà T trả lại 60.000.000 đồng thì bà phải giao căn tin này lại cho bà T. Sau đó một ngày, tức ngày 09/4/2019 bà T yêu cầu bà cho thuê lại căn tin để bán với giá 400.000 đồng/1 ngày (trừ thứ 7 và chủ nhật) và bà T hẹn đến thời điểm nghỉ tết nguyên đán 2020 bà T sẽ trả cho bà 20.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng khi nào có sẽ trả hết, việc này được bà T viết tiếp vào hợp đồng sang nhượng lập ngày 08/4/2019. Nhưng từ khi bà cho bà T thuê lại căn tin thì bà T không có trả cho bà được số tiền thuê nào cũng như đến kỳ nghỉ tết nguyên đán bà T không trả cho bà 20.000.000 đồng như đã hứa. Do không có tiền trả nên khoảng 5 tháng sau bà T yêu cầu bà vào căn tin bán, được một năm thì nhà trường không cho bà buôn bán ở đây nữa. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại số tiền 60.000.000 đồng thì bà T có trả được cho

bà nhiều lần với tổng số tiền 4.800.000 đồng, còn thiếu lại bà 55.200.000 đồng. Hiện căn tin này nhà trường đang quản lý, bà không yêu cầu bà T phải trả tiền thuê lại căn tin.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Chế Thị T phải trả lại bà số tiền vốn vay 55.200.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Chế Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn bà Chế Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Nguyên đơn bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Chế Thị T trả số tiền vay nên không cần thiết phải đưa Trường Tiểu học T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị K yêu cầu bị đơn bà Chế Thị T trả số tiền vốn vay 55.200.000 đồng: Theo bà Lê Thị K trình bày thì vào ngày 08/4/2019 bà có cho bà Chế Thị T vay số tiền 60.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên không có làm biên nhận mà bà T viết giấy sang nhượng căn tin tại trường Tiểu học T cho bà K vì lúc này bà T đang là giáo viên tại Trường và buôn bán tại đây. Nội dung hợp đồng sang nhượng thể hiện khi nào bà T trả lại 60.000.000 đồng thì bà K phải giao căn tin này lại cho bà Tiên. Sau đó một ngày, tức ngày 09/4/2019 bà T yêu cầu bà K cho thuê lại căn tin để bán với giá 400.000 đồng/1 ngày (trừ thứ 7 và chủ nhật) và bà T hẹn đến thời điểm nghỉ tết nguyên đán 2020 bà T sẽ trả cho bà 20.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng khi nào có sẽ trả hết, việc này được bà T viết tiếp vào hợp đồng sang nhượng lập ngày 08/4/2019. Nhưng từ khi bà cho bà T thuê lại căn tin thì bà T không có trả cho bà được số tiền thuê nào cũng như đến kỳ nghỉ tết nguyên đán bà T không trả cho bà 20.000.000 đồng như đã hứa. Do không có tiền trả nên khoảng 5 tháng sau bà T yêu cầu bà K vào căn tin bán, được một năm thì nhà trường không cho bà K buôn bán ở đây nữa. Khi bà K yêu cầu bà T trả lại số tiền 60.000.000 đồng thì bà T có trả được cho bà K nhiều lần với tổng số tiền 4.800.000 đồng, còn thiếu lại bà K 55.200.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Xét, nội dung hợp đồng sang nhượng lập ngày 08/4/2019 giữa bên nhận sang nhượng là bà Lê Thị K và bên sang nhượng là bà Chế Thị T có đoạn được ghi như sau: “*Tôi (tức bà Chế Thị T) hứa tới ngày nghỉ tết tôi sẽ trả bớt cho chị Khen 20.000.000 đồng ... Tóm lại số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Khi nào tôi hoàn trả đủ hết cho chị Khen....*” Như vậy, rõ ràng về bản chất giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập là hợp đồng vay tài sản, cụ thể là bà T có vay của

bà K số tiền 60.000.000 đồng nên mới có việc bà T thừa nhận đến kỳ nghỉ tết sẽ trả bớt cho bà K 20.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng. Việc bị đơn bà Chế Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Chế Thị T theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Bị đơn bà Chế Thị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không nộp bản tự khai; không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị K yêu cầu bà Chế Thị T phải trả số tiền 55.200.000 đồng, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đối với nguyên đơn bà Lê Thị K, tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, bà K đã 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội xét miễn cho bà K tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K.

Buộc bà Chế Thị T phải trả cho bà Lê Thị K số tiền vốn vay 55.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Chế Thị T phải chịu 2.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX Cai Lậy;
- CCTHADSTX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX Cai Lậy;
- CCTHADSTX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 27 tháng 5 năm 2021.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Phạm Thị Phụng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị K, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, phường N, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Chế Thị T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 188/A khu phố 2, phường M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K.

Buộc bà Chế Thị T phải trả cho bà Lê Thị K số tiền vốn vay 55.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Chế Thị T phải chịu 2.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 27 tháng 5 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)